

DƯỢC PHẨM & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 25

24/06/2019

THÔNG TIN THEO YÊU CẦU & CÓ CHỌN LỌC

TRONG TUẦN NÀY

• Tin kinh tế tổng hợp	3
• Diễn biến tình hình nhập khẩu dược phẩm trong tuần & Dự báo	5
• Diễn biến nhập khẩu nguyên phụ liệu dược trong tuần & Dự báo	8
• Diễn biến nhập khẩu trang thiết bị y tế trong tuần & Dự báo	11
• Kim ngạch nhập khẩu dược phẩm lập kỷ lục mới trong tháng 5/2019	14
• Nhập khẩu nguyên phụ liệu dược phẩm giảm ở nhóm thị trường cung cấp chính	17
• Máy nội soi nhập từ Hàn Quốc và Nhật Bản biến động	19
• Tin hoạt động chuyên ngành	22
• Thông tin chính sách	25
• Thị trường tiền tệ	27
• Tin thế giới	29
• Tham khảo máy X - Quang và thiết bị nhập khẩu trong tháng 5/2019	32

Phòng Thông tin Công nghiệp thuộc Trung tâm Thông tin Công nghiệp & Thương mại - Bộ Công Thương

655 Phạm Văn Đồng - Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Bộ phận biên tập: (024) 3.715.0530

Bộ phận Marketing: (024) 3.715.0530

Fax: (024) 3.715.0489

Đại diện tại TP.HCM

173 Hai Bà Trưng - phường 6 - Quận 3

Tel: (028) 3.822.4150

Fax: (028) 3.822.4041

Tổng quan

Kinh tế thế giới

Trong cuộc họp chính sách tiền tệ tháng 6, Fed nhận định thị trường lao động và các hoạt động kinh tế đang phát triển mạnh mẽ, mặc dù tiêu dùng hộ gia đình tăng chậm và đầu tư tài sản cố định giảm nhẹ. Fed cũng nhấn mạnh mức độ tăng lạm phát so với cùng kỳ vẫn đang dưới ngưỡng mục tiêu 2,0% và những bất ổn về triển vọng kinh tế ngày càng gia tăng. Fed quyết định không thay đổi mức lãi suất chính sách hiện tại ở mức 2,25 - 2,50%. Trong bản dự báo của Fed về lãi suất chính sách không cho thấy sự thay đổi trong năm 2019. Tuy nhiên năm 2020, Fed dự báo có khả năng hạ lãi suất 0,25 điểm phần trăm, thay vì tăng 0,25 điểm phần trăm như lần dự báo trước.

Liên quan đến ngành xây dựng Mỹ, số đơn cấp phép xây dựng và số nhà khởi công trong tháng 5 lần lượt ở mức 1,29 triệu đơn và 1,27 triệu căn, không chênh lệch nhiều so với mức 1,29 triệu đơn và 1,24 triệu căn của tháng 4 và mức 1,3 triệu đơn và 1,24 triệu căn theo dự báo.

Tại khu vực Eurozone, chỉ số CPI và CPI lõi chính thức lần lượt tăng 1,2% và 0,8% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 5, không thay đổi so với dữ liệu sơ bộ và khớp với dự báo.

CPI chung và CPI lõi nước Anh tăng lần lượt 2,0 và 1,7% so với cùng kỳ trong tháng 5, thấp hơn so với mức tăng 2,1% và 1,8% của tháng trước đó nhưng tích cực hơn dự báo 2,0% và 1,6%. Bên cạnh đó, chỉ số PPI đầu vào của Anh không có sự biến động trong tháng 5 (0,0% so với tháng trước) sau khi tăng 1,1% trong tháng 4.

Cán cân thương mại Nhật Bản thâm hụt 970 tỷ JPY trong tháng 5, sâu hơn mức thâm hụt 110 tỷ của tháng 4 đồng thời sâu hơn mức thâm hụt 800 tỷ theo dự báo.

Kinh tế trong nước

Bộ Tài chính cho biết, thu cân đối ngân sách nhà nước (NSNN) tháng 5 ước đạt 110,2 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 5 tháng đạt 628,1 nghìn tỷ đồng, bằng 44,5% dự toán, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó thu nội địa tháng 5 ước đạt 81,9 nghìn tỷ đồng thấp hơn khoảng 29,7 nghìn tỷ đồng so tháng trước. Lũy kế 5 tháng đạt 506,9 nghìn tỷ đồng, bằng 43,2% dự toán, tăng 13% so cùng kỳ năm 2018. Trong khi đó, tổng chi NSNN tháng 5 ước đạt 120,7 nghìn tỷ đồng; lũy kế 5 tháng đạt 550,2 nghìn tỷ đồng, bằng 33,7% dự toán, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2018. Các nhiệm vụ chi ngân sách được đảm bảo chặt chẽ, theo đúng dự toán và tiến độ triển khai thực hiện của các đơn vị sử dụng ngân sách, đáp ứng tốt các nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội.

Theo Tổng cục Hải quan, cán cân thương mại cả nước kỳ 1 tháng 6 thặng dư 490 triệu USD, đưa lũy kế từ đầu năm đến hết 15/6 thặng dư 70 triệu. Trong đó, xuất khẩu kỳ từ 1-15/6 đạt 10,18 tỷ USD, nhập khẩu ở mức 9,69 tỷ. Lũy kế từ đầu năm đến kỳ 1 tháng 6, kim ngạch xuất khẩu đạt 111,26 tỷ USD, nhập khẩu đạt 111,19 tỷ.

Theo Cục Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính), trong 5 tháng đầu năm 2019, có 3 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa. Lũy kế từ 2017 đến tháng 5/2019, đã có 34/127 doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc danh mục phải cổ phần hóa theo công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Như vậy, số lượng doanh nghiệp phải cổ phần hóa còn lại là 93/127 doanh nghiệp, chiếm 73% kế hoạch.

TIN KINH TẾ TỔNG HỢP

➤ **Việt Nam và cuộc đua đón dòng FDI quốc tế**

Việc di dời các chuỗi sản xuất khỏi Trung Quốc trong các ngành thâm dụng lao động, như sản xuất hàng may mặc và giày dép, đang nâng cao đầu tư vào Việt Nam.

Theo báo cáo đầu tư quốc tế World Investment Report 2019, tổng số các dự án FDI toàn cầu được công bố trong ngành dịch vụ đã tăng 43% lên 473 tỷ USD. Có sự gia tăng lớn trong cả ngành xây dựng và sản xuất điện. Vốn FDI trong ngành xây dựng đã tăng 84% lên 113 tỷ USD.

Báo cáo cho biết, các dự án xây dựng công nghiệp đã suy giảm sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008, nhưng đã có sự phục hồi kể từ giữa những năm 2010 đến nay. Một số dự án này có liên quan đến việc xây dựng các SEZ. Chẳng hạn, năm 2015, Tập đoàn công nghiệp Rojana (Thái Lan), một công ty con của Nippon Steel và Sumikin Bussan (Nhật Bản), đã công bố dự án phát triển Đặc khu kinh tế Dawei tại Myanmar.

Năm 2016, Wei Yu Engineering (Đài Loan) đã công bố kế hoạch đầu tư 2,5 tỷ USD vào Khu kinh tế Vũng Áng tại Việt Nam để xây dựng bến cảng với khu vực hậu cần và khu vực nông nghiệp. Năm 2018, nhà sản xuất hàng dệt may Shandong Ruyi Technology (Trung Quốc) đã công bố dự án đầu tư 830 triệu USD để thành lập khu công nghiệp dệt may tại Khu kinh tế kênh đào Suez ở Ai Cập.

Dòng vốn FDI vào Đông Nam Á đã tăng 3% lên mức cao nhất mọi thời đại là 149 tỷ USD vào năm 2018. Do đó, tỷ lệ vốn FDI của khu vực trong dòng chảy toàn cầu đã tăng từ 10% trong năm 2017 lên 11% vào năm 2018.

Sự tăng trưởng trong FDI chủ yếu được thúc đẩy bởi sự gia tăng đầu tư vào Việt Nam, Singapore, Indonesia, và Thái Lan. Các nhóm ngành sản xuất và dịch vụ, đặc biệt là tài chính, bán lẻ và thương mại bán buôn, bao gồm cả nền kinh tế kỹ thuật số, tiếp tục củng cố dòng vốn tăng lên cho tiểu vùng này.

Đầu tư nội khối cũng có xu hướng tăng mạnh mẽ. Dòng vốn từ các nền kinh tế châu Á khác cũng góp phần vào xu hướng này. Tuy nhiên, dòng vốn chảy vào một số quốc gia khác (Malaysia và Philippines) đã giảm.

Việt Nam hiện đang đứng thứ 21 về lượng vốn FDI trên toàn thế giới, xét riêng trong khu vực ASEAN, Việt Nam đứng thứ 3 sau Singapore (đứng thứ 5 toàn cầu) và Indonesia (đứng thứ 18 toàn cầu).

➤ **Bệnh viện được tự chủ toàn diện: Thêm nguồn lực, tăng trách nhiệm**

Khi giao quyền tự chủ tài chính, đòi hỏi các BV phải thay đổi tinh thần thái độ phục vụ tốt hơn, năng động hơn trong quản lý, chặt chẽ hơn trong tổ chức để đảm bảo nâng cao chất lượng.

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết số 33/NQ-CP về thí điểm cơ chế tự chủ tài chính và tự chịu trách nhiệm toàn diện của 4 bệnh viện (BV) thuộc Bộ Y tế, gồm: Chợ Rẫy, K, Bạch Mai và Việt Đức. Đây là quyết sách đột phá nhằm phát huy chủ động, sáng tạo của 4 BV trong việc nâng cao năng lực, chất lượng khám chữa bệnh.

Có thể nói, nghị quyết này thực sự là sự đột phá để các BV phát huy tính chủ động, sáng tạo, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực nhằm nâng cao năng lực, chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người dân; duy trì và phát triển các trung tâm kỹ thuật cao, phục vụ không chỉ cho người

Việt Nam mà cả người nước ngoài. Với Nghị quyết 33, các BV được thí điểm sẽ phải thực hiện trách nhiệm xã hội lớn hơn, bảo đảm tốt nhất quyền lợi cho đối tượng có thể bảo hiểm y tế, đối tượng

chính sách, nhất là bệnh nhân nghèo, bệnh nhân thuộc diện khó khăn trong tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng cao với chi phí hợp lý.

Khi thực hiện tự chủ về tài chính nghĩa là hoàn toàn không có nguồn cung cấp tài chính từ nguồn ngân sách nhà nước, nên việc thu hút người dân đến khám chữa bệnh tại BV là điều tối quan trọng. Do đó, BV phải quyết liệt hơn trong đổi mới phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh và không ngừng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bằng nhiều giải pháp. Đồng thời, BV cần đa dạng hóa loại hình dịch vụ để thu hút người bệnh, trong đó tập trung phát triển những khu khám bệnh theo yêu cầu, những khoa phòng chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu của những người bệnh có điều kiện.

Trước đó, năm 2017, BV K được Bộ Y tế giao là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ kinh phí chi thường xuyên. Hơn 2 năm thực hiện tự chủ tài chính, số bệnh nhân tới BV khám, điều trị nội trú liên tục tăng cao. Cơ chế tự chủ đã phát huy tính năng động của đơn vị, khuyến khích và tạo điều kiện trong việc huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư, mua sắm trang thiết bị, phát triển các hoạt động chuyên môn, triển khai nhiều kỹ thuật mới, công nghệ cao tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận các dịch vụ kỹ thuật y tế tiên tiến hiện đại. Doanh thu của BV có mức tăng trưởng tốt, năm 2017 tăng hơn 40% và năm 2018 tăng gần 20% so với năm trước đó.

Bên cạnh đó, chất lượng khám chữa bệnh, giá dịch vụ y tế thay đổi tốt hơn để thu hút bệnh nhân khi BV được tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện. Vì khi giao quyền tự chủ tài chính, đòi hỏi các BV phải thay đổi tinh thần thái độ phục vụ tốt hơn, năng động hơn trong quản lý, chặt chẽ hơn trong tổ chức để đảm bảo nâng cao chất lượng. Đảm bảo tự chủ về tài chính hoàn toàn thì phải đảm bảo được nguồn thu, trong đó có cơ chế thoáng về giá dịch vụ. Về giá dịch vụ y tế, Nghị quyết 33 nêu rõ: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được áp dụng theo giá do Bộ Y tế ban hành.

Đối với giá dịch vụ y tế theo yêu cầu, Bộ Y tế ban hành khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tính đủ các yếu tố chi phí hình thành giá dịch vụ khám chữa bệnh, có tích lũy, trên cơ sở tham khảo giá của các BV tư nhân và các BV có vốn đầu tư ở nước ngoài tại Việt Nam. BV được quyết định giá dịch vụ y tế đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu trong phạm vi khung giá do Bộ Y tế ban hành và thực hiện kê khai giá, niêm yết giá theo quy định của pháp luật về giá.

Theo đó, để đảm bảo cho các đơn vị thực hiện tự chủ hiệu quả thì cần phân cấp mạnh mẽ hơn nữa, đặc biệt đối với các đơn vị tự đảm bảo toàn bộ kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư. Cần trao quyền cho BV, tăng mức phân cấp đối với các dự án đầu tư, mua sắm để đáp ứng nhu cầu, đảm bảo thời gian cũng như quyết định đầu tư có hiệu quả hơn và người bệnh sẽ được hưởng lợi. Bên cạnh đó là cho phép BV được ban hành mức giá thu dịch vụ khám chữa bệnh tính đúng, tính đủ các yếu tố cấu thành giá; tự xây dựng và quyết định các chỉ tiêu phát triển BV, chương trình đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên cùng với đó phải xây dựng các quy trình, quy chế để kiểm soát, giám sát việc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU & DỰ BÁO

Diễn biến tình hình nhập khẩu dược phẩm trong tuần & Dự báo

(Tuần từ 13/06/2019 đến 20/06/2019)

Nhập khẩu dược phẩm vào nước ta trong kỳ này đạt 58,7 triệu USD, tăng 40,56%. Đức là thị trường cung cấp dược phẩm có trị giá đạt cao nhất 8,8 triệu USD; tiếp theo là Pháp đạt 8,52 triệu USD và Ấn Độ đạt 4,17 triệu USD... Theo đó, các lô hàng có giá trị đạt cao phần lớn nhập khẩu từ nhóm thị trường trên như: Glivec 100Mg (Imatinib (Dưới Dạng Imatinib Mesylat Tinh Thể) 100Mg) h/60v; Herceptin (Trastuzumab 150Mg) h/1 lọ; Amlor Caps 5Mg (Amlodipine) h/30v...

Dược phẩm mới tiếp tục được tăng cường nhập về từ các thị trường cung cấp khác nhau nhưng tập trung nhiều nhất vẫn là từ Ấn Độ. Một số lô hàng dược phẩm mới có giá trị nhập khẩu đạt cao: Venokern 500Mg Film Coated Tablet (Diosmin 450Mg, Hesperidin 50Mg) h/6 vi x 10v; Eritrogen 4000Iu (Recombinant Human Erythropoietin) h/1 xylanh 1ml; Immunoglobulinum Humanum Normale-Biopharma h/10 ống 1,5MI (100Mg Human Normal Immunoglobulin/MI)...

Với hơn 600 lô hàng dược phẩm được nhập về theo dõi giá thì thấy khá ổn định so giá nhập trước đây, một số mặt hàng có giá tăng/giảm nhẹ như: Silicol Gel chai/200ml; Singulair 4Mg (Montelukast (Dưới dạng Montelukast Natri) 4Mg) h/2 vri x 14v; Botox (Botulinum Toxin Type A ...)... Đáng chú ý, mặt hàng Crestor 20Mg (Rosuvastatin) h/28v nhập từ Anh giá 19,64 USD/hộp, giảm 11,49%.

Tham khảo một số mặt hàng dược phẩm mới nhập khẩu trong kỳ

Tên hàng	Đvt	Đơn giá (Usd/Đvt)	Thị trường cung cấp	PTTT	ĐKGH
Citimax 10Mg/10MI h/5 ống 10ml	Hộp	280,00	Nhật Bản	KC	CIP
Eritrogen 4000Iu (Recombinant Human Erythropoietin) h/1 xylanh 1ml	Hộp	9,04	Uruguay	TTR	CIP
Eu-Fastmome 50 Micrograms/Actuation (100G Mometason Furoat 0,05G) h/1 lọ 10G	Hộp	5,15	Italy	TTR	CPT
Glencet (Levocetirizin Dihydrochlorid 5Mg) h/3 vi x 10v	Hộp	1,20	ấn Độ	TTR	CIP
Immunoglobulinum Humanum Normale-Biopharma h/10 ống 1,5MI (100Mg Human Normal Immunoglobulin/MI)	Hộp	91,77	Ukraina	KC	CIP
Lipiles 20 (Atorvastatin 20Mg) h/10 vi x 10v	Hộp	2,01	ấn Độ	KC	CIP
Neurovan-75 Capsule (Pregabalin 75Mg) h/30v	Hộp	5,52	Bangladet	TTR	CIF
Silicol Gel chai/200ml	Chai	5,10	Anh	KC	CIF
Sopezid 20 (Esomeprazole 20Mg) h/30v	Hộp	6,00	ấn Độ	KC	CIP
Venokern 500Mg Film Coated Tablet (Diosmin 450Mg, Hesperidin 50Mg) h/6 vi x 10v	Hộp	5,06	Tây Ban Nha	TTR	FOB
Viscirox (Ciprofloxacin Hcl 3Mg/MI) h/1 lọ 5ml	Hộp	0,13	ấn Độ	KC	CIF

(Số liệu thống kê sơ bộ – chỉ dùng để tham khảo)

Tham khảo một số lô hàng dược phẩm nhập khẩu trong kỳ

Thị trường cung cấp	Tên hàng	Hoạt chất tiêu biểu	Đvt	Lượng	Đơn giá (Usd/Đvt)	PTTT
Achentina	Betahema h/1 lọ 1ml	Recombinant Human Erythropoietin Beta 2000Iu	Hộp	47.089	8,30	KC
	Betahema h/1 lọ 1ml	Recombinant Human Erythropoietin Beta 2000Iu	Hộp	15.009	8,30	TTR
Ai Len	Bisoprolol Fumarate 2.5Mg	Bisoprolol Fumarate	Hộp	12.240	1,39	TTR

Thị trường cung cấp	Tên hàng	Hoạt chất tiêu biểu	Đvt	Lượng	Đơn giá (Usd/Đvt)	PTTT
	h/2 vỉ x 14v					
	Fucidin Cream 2% h/1 tuýp 15G	Acid Fucidic	Hộp	50.000	2,73	TTR
	Fucidin H h/1 tuýp 15G	Acid Fusidic 20Mg, Hydrocortison Acetat 10Mg	Hộp	40.000	3,74	TTR
Ấn Độ	Be-Stedy 24 h/10 vỉ x 10v	etahistine Dihydrochlorid	Hộp	7.284	11,00	TTR
	Cardimax Mr 35Mg h/5 vỉ x 10v	Trimetazidin retard	Hộp	7.040	1,15	KC
	Panfor Sr-1000 h/5 vỉ x 20v	Metformin Hydrochlorid	Hộp	10.272	7,84	KC
	Sunsizopin 25 h/5 vỉ x 10v	Clozapine	Hộp	1.192	3,84	KC
	Syndopa 275 h/5 vỉ x 10v	Levodopa; Carbidopa	Hộp	9.655	6,86	KC
	Zonafil h/7 hộp nhỏ x 1 vỉ	Rabeprazole Natri 20Mg, Tinidazole 500Mg, Clarithromycin 500Mg	Hộp	480	10,00	KC
Anh	Crestor 20Mg h/28v	Rosuvastatin	Hộp	14.068	19,64	TTR
	Crestor 5Mg h/28v	Rosuvastatin	Hộp	19.392	9,76	TTR
Áo	Doxorubicin "Ebewe" Inj 10Mg/5MI h/1 lọ	Doxorubicine	Hộp	18.000	3,89	TTR
Australia	Pm Kiddiecal h/1 lọ 30v	Calcium 200Mg, Phosphorus 154Mg, Vitamin D3 200Iu, Vitamin K1 30Mcg	Hộp	51.779	7,50	KC
Ba Lan	Scilin M30 (30/70) 40Iu/MI h/1 lọ 10ml	Insulin	Hộp	42.290	3,40	TTR
	Scilin N 40 Iu/MI h/1 lọ 10ml	Insulin	Hộp	27.250	3,40	TTR
	Scilin R 40Iu/MI h/1 lọ 10ml	Insulin	Hộp	13.937	3,40	TTR
Bangladet	Cavir 0.5Mg h/1 vỉ x 5v	Entecavir	Hộp	8.000	5,00	KC
	Esomaxcare 20 Tablet h/3 vỉ x 10v	Esomeprazol	Hộp	21.000	10,00	KC
	Esomaxcare 40 Tablet h/3 vỉ x 10v	Esomeprazol	Hộp	20.289	12,00	KC
	Incepdazol 250 Tablet h/10 vỉ x 10v	Metronidazol	Hộp	31.429	1,80	KC
	Pantobone 40Mg h/3 vỉ x 10v	Pantoprazol Natri Sesquihydrat	Hộp	5.354	5,00	KC
Bi	Ferricure 100Mg/5MI h/1 lọ 60ml	Polysaccharide Iron Complex 217,4Mg	Hộp	20.000	9,52	KC
Chilê	Smart-Air 5Mg h/1 vỉ x 10v	Montelukast Sodium, 5Mg Montelukast	Hộp	5.000	3,48	TTR
	Valiera 2Mg h/1 vỉ x 30v	Estradiol	Hộp	28.500	5,14	TTR
Côlombia	Progendo 200Mg h/2 vỉ x 15v	Micronized Progesteron	Hộp	24.621	14,15	TTR
Đức	Espumisan Capsules 40Mg h/50v	Semithicon	Hộp	11.520	1,59	TTR
	Trajenta Duo h/3 vỉ x 10v	Linagliptin 2,5Mg; Metformin Hydrochloride 500Mg	Hộp	1.400	8,64	TTR
Hàn Quốc	Clupen 125Mg h/100v	Clonixin Lysinate	Hộp	3.275	6,80	TTR
	Ivf-M Injection 150Iu h/5 lọ + 5 ống dung môi	Menotropin	Hộp	2.000	87,60	KC
	Mg-Tan Inj túi/960ml	Glucose 11,0%; Amino Acids 11,3%, Lipid Emulsion 20,0%	Túi	9.900	20,00	LC
	Uruso 200Mg h/10 vỉ x 10v	Ursodeoxycholic Acid	Hộp	2.283	25,00	LC

Thị trường cung cấp	Tên hàng	Hoạt chất tiêu biểu	Đvt	Lượng	Đơn giá (Usd/Đvt)	PTTT
Hunggary	Rileptid 2Mg h/6 vi x 10v	Risperidone	Hộp	27.995	3,14	DA
Hy Lạp	Demozidim 1G h/10 lọ	Ceftazidim Pentahydrat	Chai	99.990	0,90	LC
	Milrixa h/1 ống 600Mg/4Ml	Clindamycin Phosphat	Hộp	20.000	3,36	TTR
	Pricefil h/chai 30ml	Monohydrat 250Mg/5Ml	Hộp	11.520	5,60	TTR
Indônêxia	Herbesser 30Mg h/10 vi x 10v	Diltiazem Hydrochloride	Hộp	2.880	6,19	TTR
	Tanatril 10Mg h/10 vi x 10v	Imidapril Hydrochloride	Hộp	7.680	25,53	TTR
	Voledex 500Mg h/1 vi x 10v	Levofloxacin	Hộp	4.000	2,74	DP
Italy	Gitrabin 200Mg h/1 lọ	Gemcitabin	Hộp	2.363	6,16	TTR
	Gliatilin 1000Mg/4Ml h/5 ống 4ml	Choline Alfoscerate	Hộp	23.289	9,52	TTR
	Golddicon 30Mg h/5 vi x 20v	Gliclazide	Hộp	17.505	10,08	KC
Latvia	Atosiban Pharmidea 37.5Mg/5Ml h/1 lọ 5ml	Atosiban	Hộp	2.000	69,47	TTR
Mỹ	Aerrane h/6 chai 100ml	Isofluran	Hộp	100	93,78	TTR
	Colistimethate For Injection U.S.P h/1 lọ bột 150Mg	Colistimethat Natri	Hộp	12.000	53,20	TTR
Nhật Bản	Citimax 10Mg/10Ml h/5 ống 10ml	Citicoline	Hộp	250	280,00	KC
	Ts-One Capsule 20 h/4 vi x 14v	Tegafur 20Mg; Gimeracil 5,8Mg; Oteracil Kali 19,6Mg	Hộp	960	250,22	TTR
	Ts-One Capsule 25 h/4 vi x 14v	Tegafur 25Mg; Gimeracil 7,25Mg; Oteracil Kali 24,5Mg	Hộp	876	323,81	TTR
Pakixtan	Atasart-H h/4 vi x 7v	Candesartan Cilexetil 16Mg; Hydrochlorothiazide 12,5Mg	Hộp	3.630	4,30	LC
	Promto Tablet 20Mg h/1 vi x 10v	Natri Rabeprazole	Hộp	6.600	2,44	LC
	Richstatin 10Mg h/1 vi x 10v	Rosuvastatin Calcium	Hộp	3.000	2,15	LC
Pháp	Augmentin 250Mg/31.25Mg h/12 gói	Amoxicillin 250Mg, Acid Clavulanic 31.25Mg	Hộp	61.200	4,64	TTR
	Lovenox 60Mg/0.6Ml (h/2 bơm tiêm)	Enoxaparin Natri	Hộp	11.444	8,69	TTR
	Tetraxim h/1 bơm tiêm 1 liều 0,5ml	Vaccin Bạch Hầu-Uốn Ván-Ho Gà-Bại Liệt	Hộp	49.530	14,00	TTR
Thái Lan	Begesic h/1 tuýp 30G	Methyl Salicylate 3,3G; Menthol 1,68G; Eugenol 0,42G	Hộp	9.648	0,87	TTR
	Bestatin 10Mg h/10 vi x 10v	Simvastatin	Hộp	500	7,54	TTR
	Lanzaar 50Mg h/3 vi x 10v	Losartan Kali	Hộp	5.000	2,54	TTR
Thổ Nhĩ Kỳ	Neo-Penotran h/2 vi x 7v	Metronidazole; Miconazole	Hộp	29.049	5,74	TTR
	Samnir 250Mg/5Ml h/chai 60ml	Cefprozil	Hộp	11.719	7,40	TTR
Trung Quốc	Metronidazole Solution Injection h/chai 100ml	Metronidazole	Chai	77.600	0,23	KC
	Streptomycin Sulphate For Injection 1G h/50 lọ	Streptomycin	Chai	880.000	0,08	KC

(Số liệu thống kê sơ bộ – chỉ dùng để tham khảo)